

THỐNG KÊ KẾT QUẢ SAU SÁP NHẬP PHƯƠNG ÁN CHỐT

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
1	2	3	4		5		6	7
	Tổng cộng	Tổng cộng	1267	677	590	46.57%	782	283
		Mầm non	379	162	206	54.35%	285	39
		Tiểu học	406	187	218	53.69%	298	111
		Trung học cơ sở	298	136	148	49.66%	159	93
		Tiểu học và Trung học cơ sở	82	108				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông	9	20				
		Trung học phổ thông	93	64	18	19.35%	40	40
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trực thuộc Sở (THCS&THPT; THPT; trường chuyên biệt Hy vọng Quy Nhơn)	103	85	18	17.48%	40	40
2	Quy Nhơn	Tổng cộng	25	12	13	52.00%	18	6
		Mầm non	7	3	4	57.14%	9	3
		Tiểu học	10	5	5	50.00%	5	2
		Trung học cơ sở	8	4	4	50.00%	4	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
3	Quy Nhơn Đông	Tổng cộng	12	6	6	50.00%	8	2
		Mầm non	4		3	75.00%	5	2
		Tiểu học	4	1	3	75.00%	3	
		Trung học cơ sở	3	1				
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	4				

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
4	Quy Nhơn Tây	Tổng cộng	7	3	4	57.14%	3	1
		Mầm non	2	1	1	50.00%	1	
		Tiểu học	3	1	2	66.67%	1	1
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
5	Quy Nhơn Nam	Tổng cộng	13	6	7	53.85%	13	5
		Mầm non	4	1	3	75.00%	6	2
		Tiểu học	5	3	2	40.00%	4	2
		Trung học cơ sở	4	2	2	50.00%	3	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
6	Quy Nhơn Bắc	Tổng cộng	7	4	3	42.86%	6	
		Mầm non	2	1	1	50.00%	3	
		Tiểu học	3	2	1	33.33%	1	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%	2	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
		Tổng cộng	2	2				
		Mầm non	1	1				

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
7	Nhơn Châu	Tiểu học						
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
8	Bình Định	Tổng cộng	10	4	6	60.00%	7	6
		Mầm non	3	1	2	66.67%	2	
		Tiểu học	4	2	2	50.00%	3	1
		Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%	2	5
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
9	An Nhơn	Tổng cộng	10	5	5	50.00%	9	2
		Mầm non	3	1	2	66.67%	4	
		Tiểu học	4	2	2	50.00%	4	1
		Trung học cơ sở	3	2	1	33.33%	1	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
10	An Nhơn Nam	Tổng cộng	7	3	4	57.14%	6	3
		Mầm non	2	1	1	50.00%	3	
		Tiểu học	3	1	2	66.67%	2	2
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%	1	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Trung học phổ thông						
11	An Nhơn Bắc	Tổng cộng	10	4	6	60.00%	11	5
		Mầm non	3	1	2	66.67%	5	1
		Tiểu học	4	2	2	50.00%	3	1
		Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%	3	3
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
12	An Nhơn Đông	Tổng cộng	6	3	3	50.00%	5	2
		Mầm non	2	1	1	50.00%	3	
		Tiểu học	2	1	1	50.00%	1	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%	1	2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
13	An Nhơn Tây	Tổng cộng	6	3	3	50.00%	5	1
		Mầm non	2	1	1	50.00%	3	
		Tiểu học	2	1	1	50.00%	1	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%	1	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
		Tổng cộng	8	4	4	50.00%	7	4
		Mầm non	2	1	1	50.00%	2	
		Tiểu học	4	2	2	50.00%	3	2

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
14	Bồng Sơn	Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%	2	2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
15	Hoài Nhơn Đông	Tổng cộng	11	5	6	54.55%	5	4
		Mầm non	3	1	2	66.67%	3	1
		Tiểu học	5	2	3	60.00%	2	1
		Trung học cơ sở	3	2	1	33.33%		2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
16	Hoài Nhơn Nam	Tổng cộng	7	3	4	57.14%	4	5
		Mầm non	2	1	1	50.00%	1	1
		Tiểu học	3	1	2	66.67%	2	2
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%	1	2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
17	Hoài Nhơn	Tổng cộng	11	4	7	63.64%	7	8
		Mầm non	3	1	2	66.67%	3	1
		Tiểu học	5	2	5	100.00%	4	7
		Trung học cơ sở	3	1				
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
18	Hoài Nhơn Tây	Tổng cộng	7	3	4	57.14%	4	3
		Mầm non	2	1	1	50.00%	2	
		Tiểu học	3	1	2	66.67%	2	1
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%		2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
19	Tam Quan	Tổng cộng	7	3	4	57.14%	7	6
		Mầm non	2	1	1	50.00%	3	
		Tiểu học	3	1	2	66.67%	3	4
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%	1	2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
20	Hoài Nhơn Bắc	Tổng cộng	10	4	6	60.00%	9	8
		Mầm non	3	1	2	66.67%	3	1
		Tiểu học	4	2	2	50.00%	3	3
		Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%	3	4
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
21	Cát Tiến	Tổng cộng	9	3	6	66.67%	3	10
		Mầm non	3	1	2	66.67%		
		Tiểu học	3	1	2	66.67%	2	7
		Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%	1	3

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
22	Đề Gi	Tổng cộng	11	4	7	63.64%	8	11
		Mầm non	3	1	2	66.67%	2	1
		Tiểu học	5	2	3	60.00%	4	4
		Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%	2	6
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
23	Phù Cát	Tổng cộng	13	5	8	61.54%	6	8
		Mầm non	4	1	3	75.00%	2	2
		Tiểu học	6	3	3	50.00%	2	1
		Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%	2	5
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
24	Xuân An	Tổng cộng	7	3	4	57.14%	1	4
		Mầm non	2	1	1	50.00%		
		Tiểu học	3	1	2	66.67%	1	1
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%		3
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
		Tổng cộng	9	3	6	66.67%	2	4

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
25	Ngô Mây	Mầm non	3	1	2	66.67%	1	
		Tiểu học	3	1	2	66.67%		1
		Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%	1	3
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
26	Hòa Hội	Tổng cộng	7	3	4	57.14%	4	3
		Mầm non	2	1	1	50.00%	1	
		Tiểu học	3	1	2	66.67%	2	1
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%	1	2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
27	Hội Sơn	Tổng cộng	6	3	3	50.00%		4
		Mầm non	2	1	1	50.00%		
		Tiểu học	2	1	1	50.00%		2
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%		2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
28	Phù Mỹ Đông	Tổng cộng	11	5	6	54.55%	6	3
		Mầm non	3	1	2	66.67%	4	2
		Tiểu học	5	3	2	40.00%		
		Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%	2	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
29	Phù Mỹ	Tổng cộng	9	4	5	55.56%	3	4
		Mầm non	3	1	2	66.67%	2	1
		Tiểu học	4	2	2	50.00%	1	2
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%		1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
30	Phù Mỹ Tây	Tổng cộng	6	3	3	50.00%	2	1
		Mầm non	2	1	1	50.00%	1	
		Tiểu học	2	1	1	50.00%	1	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%		1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
31	Phù Mỹ Nam	Tổng cộng	7	3	4	57.14%	3	2
		Mầm non	2	1	1	50.00%	1	
		Tiểu học	3	1	2	66.67%	2	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%		2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
		Tổng cộng	11	4	7	63.64%	8	3
		Mầm non	3	1	2	66.67%	3	1

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
32	An Lương	Tiểu học	5	2	4	80.00%	4	1
		Trung học cơ sở	3	1	1	33.33%	1	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
33	Bình Dương	Tổng cộng	9	3	6	66.67%	4	2
		Mầm non	3	1	2	66.67%	1	1
		Tiểu học	3	1	2	66.67%	2	1
		Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
34	Phù Mỹ Bắc	Tổng cộng	9	3	6	66.67%	11	12
		Mầm non	3	1	2	66.67%	3	1
		Tiểu học	3	1	2	66.67%	5	5
		Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%	3	6
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
35	Tuy Phước Tây	Tổng cộng	8	4	4	50.00%	5	2
		Mầm non	2	1	1	50.00%	2	
		Tiểu học	4	2	2	50.00%	2	2
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Trung học phổ thông						
36	Tuy Phước	Tổng cộng	18	7	11	61.11%	13	6
		Mầm non	5	2	3	60.00%	7	1
		Tiểu học	9	3	6	66.67%	3	3
		Trung học cơ sở	4	2	2	50.00%	3	2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
37	Tuy Phước Bắc	Tổng cộng	12	5	7	58.33%	7	9
		Mầm non	3	1	2	66.67%	3	1
		Tiểu học	6	3	3	50.00%	3	4
		Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%	1	4
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
38	Tuy Phước Đông	Tổng cộng	14	7	7	50.00%	7	7
		Mầm non	3	2	1	33.33%	3	1
		Tiểu học	7	3	4	57.14%	3	5
		Trung học cơ sở	4	2	2	50.00%	1	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
		Tổng cộng	13	6	7	53.85%	6	8
		Mầm non	4	2	2	50.00%	1	1
		Tiểu học	6	3	3	50.00%	3	3

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
39	Tây Sơn	Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%	2	4
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
40	Bình Khê	Tổng cộng	7	2	5	71.43%	5	6
		Mầm non	2	1	1	50.00%	2	
		Tiểu học	3	1	2	66.67%	1	4
		Trung học cơ sở	2		2	100.00%	2	2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
41	Bình Phú	Tổng cộng	9	4	5	55.56%	5	2
		Mầm non	3	1	2	66.67%	1	1
		Tiểu học	3	1	2	66.67%	3	
		Trung học cơ sở	3	2	1	33.33%	1	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
42	Bình Hiệp	Tổng cộng	9	3	6	66.67%	4	3
		Mầm non	3	1	2	66.67%	1	
		Tiểu học	3	1	2	66.67%	2	1
		Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%	1	2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
43	Bình An	Tổng cộng	12	6	6	50.00%	6	
		Mầm non	4	2	2	50.00%	3	
		Tiểu học	4	2	2	50.00%	2	
		Trung học cơ sở	4	2	2	50.00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
44	Hoài Ân	Tổng cộng	12	5	7	58.33%	6	3
		Mầm non	5	2	3	60.00%	3	1
		Tiểu học	4	2	2	50.00%	1	
		Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%	2	2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
45	Ân Tường	Tổng cộng	8	4	4	50.00%	4	4
		Mầm non	2	1	1	50.00%	1	
		Tiểu học	3	1	2	66.67%	2	3
		Trung học cơ sở	3	2	1	33.33%	1	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
46	Kim Sơn	Tổng cộng	5	3	2	40.00%	2	2
		Mầm non	2	1	1	50.00%	1	1
		Tiểu học	2	1	1	50.00%	1	1
		Trung học cơ sở	1	1				

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
47	Vạn Đức	Tổng cộng	6	3	3	50.00%	3	1
		Mầm non	2	1	1	50.00%	1	
		Tiểu học	2	1	1	50.00%	1	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%	1	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
48	Ân Hảo	Tổng cộng	9	3	6	66.67%	6	2
		Mầm non	3	1	2	66.67%	2	1
		Tiểu học	3	1	2	66.67%	2	
		Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%	2	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
49	Vân Canh	Tổng cộng	8	4	4	50.00%	5	2
		Mầm non	3	2	2	66.67%	3	2
		Tiểu học	3		2	66.67%	2	
		Trung học cơ sở	2	2				
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
		Tổng cộng	8	2	6	75.00%	7	2

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
50	Canh Vinh	Mầm non	3		2	66.67%	3	1
		Tiểu học	3		2	66.67%	1	
		Trung học cơ sở	1	1	2	200.00%	3	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
51	Canh Liên	Tổng cộng	3	3				
		Mầm non	1	1				
		Tiểu học	1	1				
		Trung học cơ sở	1	1				
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
52	Vĩnh Thạnh	Tổng cộng	6	3	3	50.00%	5	1
		Mầm non	2	3	1	50.00%	2	
		Tiểu học	2		1	50.00%	2	1
		Trung học cơ sở	2		1	50.00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
53	Vĩnh Thịnh	Tổng cộng	6	3	3	50.00%	3	1
		Mầm non	2	1	1	50.00%		
		Tiểu học	2	1	1	50.00%	2	1
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
54	Vĩnh Quang	Tổng cộng	7	3	4	57.14%	4	3
		Mầm non	3		2	66.67%	1	
		Tiểu học	1				1	1
		Trung học cơ sở	1		2	200.00%	2	2
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	3				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
55	Vĩnh Sơn	Tổng cộng	5	4	1	20.00%		
		Mầm non	2		1	50.00%		
		Tiểu học	1	1				
		Trung học cơ sở	1	1				
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
56	An Lão	Tổng cộng	8	4	4	50.00%	6	2
		Mầm non	3	2	2	66.67%	3	2
		Tiểu học	3		2	66.67%	3	
		Trung học cơ sở	2	1				
		Tiểu học và Trung học cơ sở		1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
		Tổng cộng	7	3	4	57.14%	7	5
		Mầm non	2	1	1	50.00%	1	

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
57	An Hòa	Tiểu học	3	1	2	66.67%	3	4
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%	3	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
58	An Vinh	Tổng cộng	6	4	2	33.33%	2	
		Mầm non	3	2	1	33.33%	1	
		Tiểu học	3	2	1	33.33%	1	
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
59	An Toàn	Tổng cộng	4	4				
		Mầm non	2	2				
		Tiểu học	2	2				
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
60	Pleiku	Tổng cộng	13	6	7	53.85%	13	8
		Mầm non	4	1	3	75.00%	5	
		Tiểu học	6	2	4	66.67%	7	8
		Trung học cơ sở	2	1			1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Trung học phổ thông						
61	Diên Hồng	Tổng cộng	12	5	7	58.33%	10	1
		Mầm non	3	1	2	66.67%	3	
		Tiểu học	5	2	3	60.00%	4	1
		Trung học cơ sở	3	2	2	66.67%	3	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1					
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
62	Hội Phú	Tổng cộng	10	5	5	50.00%	10	1
		Mầm non	3	1	2	66.67%	4	
		Tiểu học	4	2	2	50.00%	4	1
		Trung học cơ sở	3	2	1	33.33%	2	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
63	An Phú	Tổng cộng	11	4	7	63.64%	10	6
		Mầm non	3	1	2	66.67%	3	
		Tiểu học	5	2	3	60.00%	3	3
		Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%	4	3
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
		Tổng cộng	10	5	5	50.00%	12	
		Mầm non	3	1	2	66.67%	4	
		Tiểu học	4	1	3	75.00%	6	

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
64	Thông Nhất	Trung học cơ sở	2	1			2	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
65	Biển Hồ	Tổng cộng	14	7	7	50.00%	7	
		Mầm non	5	1	3	60.00%	3	
		Tiểu học	4	2	3	75.00%	4	
		Trung học cơ sở	3	1	1	33.33%		
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	3				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
66	Gào	Tổng cộng	7	4	3	42.86%	4	
		Mầm non	3	1	2	66.67%	4	
		Tiểu học	1		1	100.00%		
		Trung học cơ sở		1				
		Tiểu học và Trung học cơ sở	3	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
67	An Khê	Tổng cộng	11	5	6	54.55%	10	2
		Mầm non	4	1	3	75.00%	4	2
		Tiểu học	3	1	2	66.67%	3	
		Trung học cơ sở	3	1	1	33.33%	3	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
68	An Bình	Tổng cộng	9	4	5	55.56%	6	
		Mầm non	3	2	1	33.33%	2	
		Tiểu học	3	1	2	66.67%	2	
		Trung học cơ sở	2		2	100.00%	2	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
69	Cửu An	Tổng cộng	10	3	7	70.00%	7	
		Mầm non	4	1	3	75.00%	3	
		Tiểu học	3	2	2	66.67%	1	
		Trung học cơ sở	2		2	100.00%	3	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1					
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
70	Ayun Pa	Tổng cộng	9	6	3	33.33%	7	2
		Mầm non	4	1	3	75.00%	3	
		Tiểu học	2	3			3	2
		Trung học cơ sở	1				1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
71	Ia Rbol	Tổng cộng	6	3	3	50.00%	3	
		Mầm non	2	1	1	50.00%		
		Tiểu học	2	1	1	50.00%	2	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%	1	

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
72	Ia Sao	Tổng cộng	5	3	2	40.00%	3	
		Mầm non	2	1	1	50.00%	1	
		Tiểu học	1					
		Trung học cơ sở	1	1	1	100.00%	2	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
73	Chư Păh	Tổng cộng	9	4	5	55.56%	8	
		Mầm non	3		2	66.67%	3	
		Tiểu học	2	2	1	50.00%	3	
		Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%	2	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
74	Ia Phí	Tổng cộng	10	3	7	70.00%	13	
		Mầm non	3		2	66.67%	5	
		Tiểu học	3	2	2	66.67%	5	
		Trung học cơ sở	3		3	100.00%	3	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
		Tổng cộng	7	3	4	57.14%	5	1

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
75	Ia Ly	Mầm non	3		2	66.67%	2	
		Tiểu học	1	2			1	1
		Trung học cơ sở	1		2	200.00%	2	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
76	Ia Khươl	Tổng cộng	8	7	1	12.50%	2	
		Mầm non	3	3				
		Tiểu học	3	2	1	33.33%	2	
		Trung học cơ sở	2	1				
		Tiểu học và Trung học cơ sở		1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
77	Chư Prông	Tổng cộng	13	5	8	61.54%	14	
		Mầm non	4	1	3	75.00%	4	
		Tiểu học	4	2	2	50.00%	6	
		Trung học cơ sở	4	1	3	75.00%	4	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
78	Bàu Cạn	Tổng cộng	9	4	5	55.56%	7	
		Mầm non	3	1	2	66.67%	3	
		Tiểu học	3	2	1	33.33%	3	
		Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
79	Ia Boòng	Tổng cộng	8	5	3	37.50%	4	
		Mầm non	3	2	1	33.33%	1	
		Tiểu học	2	1	1	50.00%	2	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
80	Ia Lâu	Tổng cộng	6	5	1	16.67%		
		Mầm non	2	2				
		Tiểu học	2	2				
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%		
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
81	Ia Pia	Tổng cộng	9	5	4	44.44%	3	
		Mầm non	3	2	1	33.33%	1	
		Tiểu học	3	2	1	33.33%	2	
		Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%		
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
		Tổng cộng	8	5	3	37.50%	5	
		Mầm non	3	2	1	33.33%	1	

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
82	Ia Tôr	Tiểu học	2	1	1	50.00%	3	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
83	Ia Púch	Tổng cộng	2	2				
		Mầm non	1	1				
		Tiểu học						
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
84	Ia Mơ	Tổng cộng	2	2				
		Mầm non	1	1				
		Tiểu học						
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
85	Chư Puh	Tổng cộng	11	6	5	45.45%	10	
		Mầm non	3	1	2	66.67%		
		Tiểu học	4	2	2	50.00%	7	
		Trung học cơ sở	3	2	1	33.33%	3	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Trung học phổ thông						
86	Ia Le	Tổng cộng	7	4	3	42.86%	4	
		Mầm non	2	1	1	50.00%		
		Tiểu học	3	2	1	33.33%	3	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
87	Ia Hnú	Tổng cộng	13	6	7	53.85%	11	1
		Mầm non	4	2	2	50.00%		
		Tiểu học	5	2	3	60.00%	8	1
		Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%	3	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
88	Chư Sê	Tổng cộng	21	10	11	52.38%	26	3
		Mầm non	6	2	4	66.67%	10	2
		Tiểu học	7	4	3	42.86%	9	1
		Trung học cơ sở	7	3	4	57.14%	7	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
		Tổng cộng	10	6	4	40.00%	12	
		Mầm non	4	2	2	50.00%	7	
		Tiểu học	3	1	2	66.67%	5	

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
89	Bờ Ngoong	Trung học cơ sở	1					
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	3				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
90	Ia Ko	Tổng cộng	9	5	4	44.44%	7	
		Mầm non	3	1	2	66.67%	4	
		Tiểu học	3	2	2	66.67%	3	
		Trung học cơ sở	3	2				
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
91	Ai Bá	Tổng cộng	7	5	2	28.57%	5	
		Mầm non	3	1	2	66.67%	5	
		Tiểu học	2	2				
		Trung học cơ sở	1	1				
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
92	Đak Đoa	Tổng cộng	13	6	7	53.85%	6	
		Mầm non	3	1	2	66.67%	2	
		Tiểu học	6	2	4	66.67%	4	
		Trung học cơ sở	4	3	1	25.00%		
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
93	Kon Gang	Tổng cộng	7	4	3	42.86%	3	2
		Mầm non	2	1	1	50.00%	1	1
		Tiểu học	2	1	1	50.00%	2	1
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%		
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
94	Ia Băng	Tổng cộng	10	4	6	60.00%	8	
		Mầm non	3	1	2	66.67%	1	
		Tiểu học	4	2	2	50.00%	5	
		Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%	2	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
95	KDang	Tổng cộng	9	6	3	33.33%	3	
		Mầm non	3	2	1	33.33%	1	
		Tiểu học	3	2	1	33.33%	1	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
96	Đak Somei	Tổng cộng	6	6				
		Mầm non	2	2				
		Tiểu học	2	2				
		Trung học cơ sở	2	2				

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
97	Đak Pơ	Tổng cộng	10	6	4	40.00%	11	
		Mầm non	4	2	2	50.00%	6	
		Tiểu học	1					
		Trung học cơ sở	2	1	2	100.00%	5	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	3	3				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
98	Ya Hội	Tổng cộng	4	3	1	25.00%	3	
		Mầm non	2	1	1	50.00%	3	
		Tiểu học						
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
99	Đức Cơ	Tổng cộng	10	5	5	50.00%	11	
		Mầm non	2	1	1	50.00%	2	
		Tiểu học	4	1	4	100.00%	9	
		Trung học cơ sở	4	1				
		Tiểu học và Trung học cơ sở		2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
		Tổng cộng	11	5	6	54.55%	8	

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
100	Ia Krêl	Mầm non	3	1	2	66.67%	2	
		Tiểu học	5	3	2	40.00%	3	
		Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%	3	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
101	Ia Dom	Tổng cộng	3	3				
		Mầm non	1	1				
		Tiểu học	1					
		Trung học cơ sở	1					
		Tiểu học và Trung học cơ sở		2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
102	Ia Đơk	Tổng cộng	8	4	4	50.00%	5	
		Mầm non	2	1	1	50.00%	2	
		Tiểu học	3	1	2	66.67%	2	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
103	Ia Nan	Tổng cộng	4	3	1	25.00%		
		Mầm non	1	1				
		Tiểu học	2		1	50.00%		
		Trung học cơ sở	1					
		Tiểu học và Trung học cơ sở		2				

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
104	Ia Pnôn	Tổng cộng	2	2				
		Mầm non	1	1				
		Tiểu học						
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
105	Ia Grai	Tổng cộng	9	5	4	44.44%	10	
		Mầm non	3	1	2	66.67%	4	
		Tiểu học	2	1	1	50.00%	3	
		Trung học cơ sở	2	2	1	50.00%	3	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
106	Ia Hrung	Tổng cộng	13	5	8	61.54%	15	3
		Mầm non	4	2	2	50.00%	5	
		Tiểu học	5	2	3	60.00%	7	3
		Trung học cơ sở	4	1	3	75.00%	3	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
		Tổng cộng	10	6	4	40.00%	6	
		Mầm non	3	2	1	33.33%	1	

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
107	Ia Krái	Tiểu học	3	1	2	66.67%	4	
		Trung học cơ sở	2		1	50.00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	3				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
108	Ia Chia	Tổng cộng	3	2	1	33.33%	2	
		Mầm non	1	1				
		Tiểu học	1		1	100.00%	2	
		Trung học cơ sở	1					
		Tiểu học và Trung học cơ sở		1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
109	Ia O	Tổng cộng	4	3	1	25.00%	4	
		Mầm non	1	1				
		Tiểu học	2		1	50.00%	4	
		Trung học cơ sở	1					
		Tiểu học và Trung học cơ sở		2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
110	Ia Pa	Tổng cộng	12	7	5	41.67%	3	
		Mầm non	3	2	1	33.33%	1	
		Tiểu học	5	2	3	60.00%	2	
		Trung học cơ sở	4	2	1	25.00%		
		Tiểu học và Trung học cơ sở		1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Trung học phổ thông						
111	Ia Tul	Tổng cộng	8	4	4	50.00%	5	
		Mầm non	4	2	2	50.00%	1	
		Tiểu học						
		Trung học cơ sở		1	2		4	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	4	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
112	Pờ Tó	Tổng cộng	8	5	3	37.50%	4	
		Mầm non	2	1	1	50.00%	2	
		Tiểu học	3	1	1	33.33%	1	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50.00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
113	Khang	Tổng cộng	13	8	5	38.46%	2	
		Mầm non	5	1	3	60.00%	1	
		Tiểu học	3	2	1	33.33%	1	
		Trung học cơ sở	3	2	1	33.33%		
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	3				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
		Tổng cộng	10	6	4	40.00%	2	
		Mầm non	3	2	1	33.33%	1	
		Tiểu học	3	1	2	66.67%		

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
114	Kông Bơ La	Trung học cơ sở	3	1	1	33.33%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
115	Tơ Tung	Tổng cộng	6	3	3	50.00%	3	
		Mầm non	2		1	50.00%	1	
		Tiểu học	2	1	1	50.00%	2	
		Trung học cơ sở	1		1	100.00%		
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
116	Sơn Lang	Tổng cộng	5	5				
		Mầm non	2	2				
		Tiểu học	1	1				
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
117	Đak Rong	Tổng cộng	3	3				
		Mầm non	1	1				
		Tiểu học						
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
118	Krong	Tổng cộng	5	4	1	20.00%		
		Mầm non	2		1	50.00%		
		Tiểu học	1	1				
		Trung học cơ sở	1	1				
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
119	Kông Chro	Tổng cộng	9	7	2	22.22%	1	
		Mầm non	3	2	1	33.33%		
		Tiểu học	2	1	1	50.00%	1	
		Trung học cơ sở	2	2				
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
120	Chơ Long	Tổng cộng	4	3	1	25.00%	1	
		Mầm non	2	1	1	50.00%	1	
		Tiểu học						
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
121	Đăk Song	Tổng cộng	4	2	2	50.00%	1	
		Mầm non	2	1	1	50.00%		
		Tiểu học			1		1	
		Trung học cơ sở						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
122	Chư Krey	Tổng cộng	4	4				
		Mầm non	2	2				
		Tiểu học						
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
123	SRó	Tổng cộng	4	3	1	25.00%		
		Mầm non	2	1	1	50.00%		
		Tiểu học						
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
124	Ya Ma	Tổng cộng	6	4	2	33.33%	2	
		Mầm non	3	1	2	66.67%	2	
		Tiểu học						
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	3	3				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
		Tổng cộng	17	9	8	47.06%	6	

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
125	Phú Túc	Mầm non	6	3	3	50.00%	2	
		Tiểu học	5	2	3	60.00%	4	
		Trung học cơ sở	5	3	2	40.00%		
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
126	Ia Rsai	Tổng cộng	9	6	3	33.33%	2	
		Mầm non	3	2	1	33.33%		
		Tiểu học	3	2	1	33.33%	2	
		Trung học cơ sở	3	2	1	33.33%		
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
127	Uar	Tổng cộng	9	4	5	55.56%	2	
		Mầm non	3	1	2	66.67%		
		Tiểu học	3	1	2	66.67%	2	
		Trung học cơ sở	3	2	1	33.33%		
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
128	Ia Dreh	Tổng cộng	8	4	4	50.00%	2	
		Mầm non	3	1	2	66.67%	1	
		Tiểu học	2	1	1	50.00%		
		Trung học cơ sở	2		1	50.00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	2				

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
129	Mang Yang	Tổng cộng	13	7	6	46.15%	11	
		Mầm non	5	1	3	60.00%	6	
		Tiểu học	3		1	33.33%	3	
		Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%	2	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	5				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
130	Lơ Pang	Tổng cộng	8	5	3	37.50%	5	
		Mầm non	3	1	2	66.67%	3	
		Tiểu học	3	2	1	33.33%	2	
		Trung học cơ sở	2	2				
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
131	Ayun	Tổng cộng	6	3	3	50.00%	3	
		Mầm non	2		1	50.00%	2	
		Tiểu học	2	1	1	50.00%		
		Trung học cơ sở	1		1	100.00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
		Tổng cộng	6	3	3	50.00%	7	
		Mầm non	2		1	50.00%	3	

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
132	Hra	Tiểu học	2	1	1	50.00%	2	
		Trung học cơ sở	1		1	100.00%	2	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
133	Kon Chiêng	Tổng cộng	6	4	2	33.33%	2	
		Mầm non	2		1	50.00%	2	
		Tiểu học	2	1	1	50.00%		
		Trung học cơ sở	1	1				
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
134	Phú Thiện	Tổng cộng	20	9	11	55.00%	20	
		Mầm non	6	2	4	66.67%	8	
		Tiểu học	8	4	4	50.00%	7	
		Trung học cơ sở	6	3	3	50.00%	5	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
135	Ia Hiao	Tổng cộng	9	4	5	55.56%	7	
		Mầm non	3	1	2	66.67%	4	
		Tiểu học	3	2	1	33.33%	2	
		Trung học cơ sở	3	1	2	66.67%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Trung học phổ thông						
136	Chư A Thai	Tổng cộng	10	7	3	30.00%	5	
		Mầm non	3	2	1	33.33%	2	
		Tiểu học	4	3	1	25.00%	2	
		Trung học cơ sở	3	2	1	33.33%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						